

UBND TỈNH HÀ TĨNH
VĂN PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 308/VPUB-TC
V/v kê khai phiếu thông tin cán bộ,
công chức, viên chức và cập nhật
dữ liệu vào phần mềm quản lý cán
bộ, công chức, viên chức tỉnh

Hà Tĩnh, ngày 27 tháng 11 năm 2015

Kính gửi:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chánh Văn phòng;
- Trưởng, Phó các phòng, đơn vị.

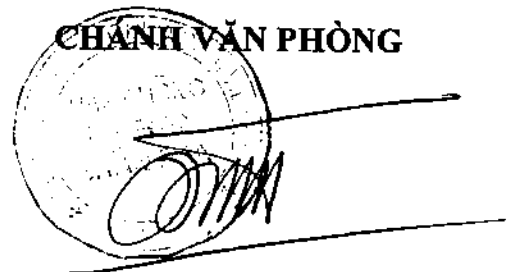
Thực hiện Kế hoạch triển khai phần mềm quản lý thông tin cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh, Văn bản số 1511 /SNV-CCHC ngày 19/11/2015 của Sở Nội vụ về việc kê khai phiếu thông tin cán bộ, công chức, viên chức và triển khai việc cập nhật dữ liệu vào phần mềm quản lý công chức, viên chức tỉnh Hà Tĩnh.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh kính đề nghị Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh kê khai phiếu thông tin cán bộ, công chức, viên chức; yêu cầu các Phó Chánh Văn phòng, Trưởng, Phó các phòng, đơn vị thực hiện việc kê khai phiếu cán bộ, công chức, viên chức và triển khai, chỉ đạo công chức, viên chức và lao động thuộc đơn vị mình theo dõi, phụ trách thực hiện nghiêm túc, kịp thời việc kê khai phiếu thông tin cán bộ, công chức, viên chức. Nội dung kê khai cần ghi trung thực, rõ ràng, đầy đủ, chính xác theo mẫu “Phiếu điền thông tin cán bộ, công chức, viên chức” kèm theo. Thời gian hoàn thành, nộp Phiếu đã điền thông tin cán bộ, công chức, viên chức; văn bằng, chứng chỉ có liên quan về phòng Hành chính - Tổ chức và gửi qua hộp thư điện tử: lenguyencao@hatinh.gov.vn trước ngày 15/12/2015.

Giao Trưởng phòng Hành chính - Tổ chức theo dõi, đôn đốc và phối hợp Giám đốc Trung tâm Công báo - Tin học chỉ đạo cán bộ CNTT đã được Sở Nội vụ tổ chức tập huấn, cập nhật dữ liệu vào phần mềm quản lý công chức, viên chức tỉnh. Thời gian hoàn thành việc cập nhật dữ liệu trước ngày 31/12/2015./.

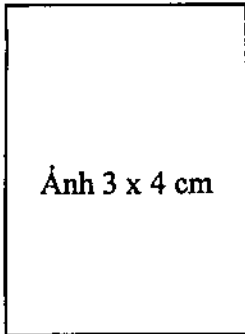
Nơi nhận:

- Như trên;
 - Chánh Văn phòng;
 - Lưu: VT, TC. *Minh*
- Gửi: Văn bản giấy và điện tử.



Lê Minh Đạo





Ảnh 3 x 4 cm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐIỀN THÔNG TIN
CÁN BỘ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
(Dùng cho phần mềm Quản lý hồ sơ CBCCVC tỉnh Hà Tĩnh)

Lưu ý: các mục có đánh dấu (*) là các thông tin bắt buộc phải điền đầy đủ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỒ SƠ CBCCVC

1. Họ và tên (*): (ghi đúng với họ và tên trong giấy khai sinh)

.....

2. Giới tính (*): (Nam/Nữ)

3. Ngày sinh (*): (ghi đầy đủ ngày tháng năm sinh đúng như trong giấy khai sinh)

4. Số hiệu công chức:

5. Số sổ bảo hiểm xã hội: 6. Mã số thuế:

7. Dân tộc (*): (ghi rõ tên dân tộc của cán bộ, công chức theo quy định của Nhà nước như: Kinh, Tày, Nùng, Thái, Mường, Mông, Ê đê, Kh'me...)

8. Tình trạng hôn nhân (*):

- Chưa kết hôn Đã kết hôn Đã ly hôn

9. Nơi sinh: (tên xã (hoặc phường, thị trấn), huyện (hoặc quận, thành phố thuộc tỉnh), tỉnh (hoặc thành phố trực thuộc trung ương) nơi CBCCVC được sinh ra (đúng như trong giấy khai sinh). Nếu có thay đổi địa danh đơn vị hành chính thì ghi <tên cũ>, nay là <tên mới>)

10. Địa chỉ nơi ở hiện nay (*): (ghi đầy đủ số nhà, đường phố, thành phố hoặc xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)

11. Quê quán (*): (ghi nơi sinh trưởng của cha đẻ hoặc ông nội của CBCCVC. Trường hợp đặc biệt có thể ghi theo quê quán của mẹ đẻ hoặc người nuôi dưỡng mình từ nhỏ (nếu không biết rõ cha, mẹ đẻ). Ghi rõ tên xã (hoặc phường, thị trấn), huyện (hoặc quận, thành phố thuộc tỉnh), tỉnh (hoặc thành phố trực thuộc trung ương))

12. Điện thoại di động: 13. Điện thoại cơ quan:

14. Email:

15. Đảng viên:

- Có Không

Ngày kết nạp: Ngày chính thức:

Số thẻ đảng viên: Chức vụ đảng:

Ngày bắt đầu chức vụ: Tổ chức đảng:

16. Nghề nghiệp trước khi được tuyển dụng:

17. Ghi chú:.....

II. THÔNG TIN BIÊN CHẾ, HỢP ĐỒNG HIỆN TẠI

Loại hình biên chế/hợp đồng (*):

- Biên chế hành chính Biên chế sự nghiệp
 Hợp đồng 68 Hợp đồng trong chỉ tiêu Đơn vị tự hợp đồng
 Loại hình khác:

Ngày bắt đầu (ngày tuyển dụng chính thức) (*):.....

Ngày kết thúc (nếu là loại hình là hợp đồng):

Hình thức tuyển dụng:

- Thi tuyển Xét tuyển hoặc phân công

Cơ quan quyết định:

Số quyết định:

Ngày ban hành:

Lưu ý: Nếu loại hình là Biên chế hành chính, thì bắt buộc phải nhập Hình thức tuyển dụng, Cơ quan quyết định, Số quyết định, Ngày ban hành.

III. THÔNG TIN LƯƠNG, NGẠCH, BẬC HIỆN TẠI

Bảng lương:

- Theo nghị định 204 Theo nghị định 205 hoặc trước năm 2003

Hình thức hưởng lương/ngạch (*):

- Nâng lương thường xuyên Nâng lương trước thời hạn
 Nâng ngạch Chuyển ngạch Bổ nhiệm vào ngạch
 Thăng hạng chức danh nghề nghiệp/Chuyển chức danh nghề nghiệp
 Hưởng lương hợp đồng 85% Hưởng lương hợp đồng 100%
 Hưởng lương HĐ 100%, đóng bảo hiểm 85%
 Chuyển xếp theo bảng lương mới Lương thỏa thuận bằng tiền
 Hạ bậc lương Khác:

Ngạch (*):.....

Bậc lương (*):..... Hệ số lương (*):

Ngày hưởng lương, bậc (*):

- Nếu hình thức là "Lương thỏa thuận bằng tiền" thì ghi thêm:

Số tiền được hưởng: VNĐ

- Nếu hình thức là: Chuyển ngạch hoặc Bổ nhiệm vào ngạch hoặc Thăng hạng chức danh nghề nghiệp/Chuyển chức danh nghề nghiệp thì nhập thêm:

Thời điểm nâng lương lần sau tính từ (ngày/tháng/năm):

IV. THÔNG TIN CÔNG TÁC HIỆN TẠI

1. Thông tin công tác

Cơ quan công tác (*):

Ngày bắt đầu công tác (*):

Chức vụ:

Ngày bổ nhiệm chức vụ:.....

Phòng công tác (nếu có):

Hình thức phân công/bổ nhiệm (*):

- | | | |
|--|--|--|
| <input type="checkbox"/> Điều động theo nhiệm vụ | <input type="checkbox"/> Chuyển đổi vị trí ND158 | <input type="checkbox"/> Phân công lần đầu |
| <input type="checkbox"/> Bổ nhiệm mới | <input type="checkbox"/> Bổ nhiệm lại | <input type="checkbox"/> Điều động và bổ nhiệm |
| <input type="checkbox"/> Miễn nhiệm | <input type="checkbox"/> Kéo dài thời gian đến tuổi nghỉ hưu | |
| <input type="checkbox"/> Từ chức | <input type="checkbox"/> Phân công nhiệm vụ | <input type="checkbox"/> Bầu cử |
| <input type="checkbox"/> Hình thức khác | | |

Nếu có chức vụ thì ghi rõ thêm Cách thức bổ nhiệm:

- | | |
|---|------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Bổ nhiệm truyền thống | <input type="checkbox"/> Thi tuyển |
| <input type="checkbox"/> Thi tuyển chức danh lãnh đạo | <input type="checkbox"/> Khác |

2. Thông tin kiêm nhiệm/biệt phái (nếu có)

- Kiêm nhiệm Biệt phái

Đơn vị kiêm nhiệm/biệt phái:.....

Phòng (nếu có):

Chức vụ:

Ngày bắt đầu kiêm nhiệm/biệt phái:

V. THÔNG TIN TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ HIỆN TẠI

1. Trình độ chuyên môn

Trình độ chuyên môn cao nhất (*):

- | | | | | |
|---|---|---|---|-----------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Tiến sĩ | <input type="checkbox"/> Tiến sĩ khoa học | <input type="checkbox"/> Thạc sĩ | <input type="checkbox"/> Đại học | <input type="checkbox"/> Cao đẳng |
| <input type="checkbox"/> Trung cấp | <input type="checkbox"/> Trung học nghề | <input type="checkbox"/> Trung học chuyên nghiệp | <input type="checkbox"/> Sơ cấp | |
| <input type="checkbox"/> Bác sĩ chuyên khoa 1 | | <input type="checkbox"/> Bác sĩ chuyên khoa 2 | <input type="checkbox"/> Bác sĩ nội trú | |
| <input type="checkbox"/> Dược sĩ chuyên khoa 1 | | <input type="checkbox"/> Dược sĩ chuyên khoa 2 | | |
| <input type="checkbox"/> Điều dưỡng chuyên khoa 1 | | <input type="checkbox"/> Điều dưỡng chuyên khoa 2 | | |
| <input type="checkbox"/> Chưa qua đào tạo | | | | |

Trường đào tạo (*):.....

Chuyên ngành đào tạo (*):

Năm tốt nghiệp (*):

Hình thức đào tạo (*):

- Chính quy Tại chức Tập trung Mở rộng Từ xa
 Chuyên tu Dài hạn Dài hạn hợp đồng Tại chức dài hạn
 Dài hạn tập trung Vừa làm vừa học Hình thức khác:

Xếp loại tốt nghiệp (*):

- Xuất sắc Giỏi Khá
 Trung bình khá Trung bình Yếu

Nước đào tạo (*):

2. Bồi dưỡng nghiệp vụ:

a. Lý luận chính trị (LLCT):

- Sơ cấp Trung cấp Cao cấp Đại học Thạc sĩ Tiến sĩ

Năm tốt nghiệp LLCT:

b. Quản lý nhà nước (QLNN):

- Chuyên viên Chuyên viên chính Chuyên viên cao cấp
 Cán sự Đại học Thạc sĩ
 Tiền công vụ Trung cấp

Năm tốt nghiệp QLNN:

c. Tin học (TH):

- A B C Chứng chỉ 112 Tin học văn phòng
 Kỹ thuật viên Lập trình viên Lập trình viên quốc tế
 Trung cấp Cao đẳng Đại học Thạc sĩ Tiến sĩ

Năm tốt nghiệp TH:

d. Quản lý kinh tế (QLKT):

- 1 tháng 3 tháng 6 tháng 1 năm 2 năm

Năm tốt nghiệp QLKT:

e. Quốc phòng - An ninh (QPAN):

- Đối tượng 1 Đối tượng 2 Đối tượng 3 Đối tượng 4 Đối tượng 5

Năm tốt nghiệp QPAN:

f. Thanh tra (TT):

- Thanh tra viên Thanh tra viên chính Thanh tra viên cao cấp

Năm tốt nghiệp TT:

g. Tiếng Anh (TA):

- A B C B1 B2 C1 C2 TOEIC TOEFL IELTS
 Trung cấp Cao đẳng Đại học Thạc sĩ Tiến sĩ

Năm tốt nghiệp TA:

h. Ngoại ngữ khác (NNK): Có Không

Tên ngoại ngữ:

Pháp Nga Đức Trung Nhật Thái Ý Hàn

Khác:

Trình độ:

Năm tốt nghiệp:

VI. QUÁ TRÌNH BIÊN CHẾ, HỢP ĐỒNG

Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Loại hình BC/HĐ	Hình thức tuyển dụng	Số QĐ	Cơ quan quyết định	Ngày ban hành

VII. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1. Các đơn vị, phòng, chức vụ đã từng công tác

Từ ngày	Đến ngày	Đơn vị	Phòng (nếu có)	Chức vụ (Ghi rõ hình thức và cách thức bổ nhiệm chức vụ)

2. Quá trình công tác nước ngoài

Từ ngày	Đến ngày	Nơi công tác	Nội dung	Lý do	Quốc gia công tác

3. Quá trình kiêm nhiệm, biệt phái

Từ ngày	Đến ngày	Đơn vị	Phòng (nếu có)	Kiểm nhiệm/ Biệt phái	Chức vụ

VIII. QUÁ TRÌNH LƯƠNG, PHỤ CẤP

1. Quá trình lương

Từ ngày	Đến ngày	Hình thức hưởng lương	Ngạch	Bậc	Hệ số	Vượt khung

2. Quá trình phụ cấp

Từ ngày	Đến ngày	Loại phụ cấp (Thâm niên, Trách nhiệm, Chức vụ, Kiêm nhiệm, Thâm niên nghề, Ưu đãi, Thu hút...)	Hệ số/ Phần trăm/ Số tiền phụ cấp	Số QĐ	Ngày QĐ	Cơ quan QĐ

IX. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

1. Quá trình đào tạo chuyên môn (Trung cấp, Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ...)

Từ năm	Đến năm	Trường	Hình thức	Trình độ	Chuyên ngành	Loại tốt nghiệp	Nước đào tạo	Số văn bằng (nếu có)	QĐ cử đi học (nếu có)

2. Quá trình bồi dưỡng nghiệp vụ (Tin học, Ngoại ngữ, Quốc phòng an ninh, Lý luận chính trị, Quản lý nhà nước...)

Năm	Trường	Loại trình độ	Trình độ	Chuyên ngành	Loại tốt nghiệp	Số văn bằng, chứng chỉ (nếu có)	QĐ cử đi học (nếu có)

Hướng dẫn điền thông tin loại trình độ, trình độ và chuyên ngành:

Loại trình độ	Trình độ	Chuyên ngành
Tin học	A, B, C, Kỹ thuật viên, Tin học văn phòng, Lập trình viên quốc tế, Lập trình viên, Trung cấp, Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ	
Quốc phòng an ninh	Đối tượng 1, Đối tượng 2, Đối tượng 3, Đối tượng 4, Đối tượng 5	
Lý luận chính trị	Sơ cấp, Trung cấp, Cao cấp, Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ	
Quản lý nhà nước	Trung - cao cấp, Tiền công vụ, Cán sự, Chuyên viên, Chuyên viên chính, Chuyên viên cao cấp, Đại học, Thạc sĩ	
Ngoại ngữ	A, B, C, Toeic, Ielts, Toefl, B1, B2, C1, C2, Trung cấp, Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ	Anh
	DELTA, DALF C1, DALF C2	Pháp
	A1, A2, B, B1, B2	Đức
	A, B, C	Nga
	Sơ cấp, Trung cấp, Cao cấp	Nhật
	Sơ cấp, Trung cấp, Cao cấp	Trung

3. Quá trình tham gia các lớp bồi dưỡng ngắn hạn

Từ ngày	Đến ngày	Tên lớp	Đơn vị đào tạo	Số ngày tham gia

4. Quá trình học phổ thông (Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông)

Từ năm	Đến năm	Trường	Trình độ (TH, THCS, THPT)	Từ lớp	Đến lớp

X. QUÁ TRÌNH KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

1. Quá trình khen thưởng

Từ ngày	Đến ngày	Hình thức - lý do khen thưởng - Huân chương - Huy chương - Kỷ niệm chương - Bằng khen - Giấy khen - Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh/thành phố - Chiến sĩ thi đua cơ sở	Ngày quyết định	Số quyết định	Người ký QĐ, Cơ quan ra QĐ

2. Quá trình kỷ luật

Từ ngày	Đến ngày	Hình thức - lý do kỷ luật - Cảnh cáo - Đình chỉ công tác - Khai trừ khỏi đảng - Hạ bậc lương - Khiển trách - Hạ ngạch - Cách chức - Buộc thôi việc Đối với các hình thức kỷ luật phải kéo dài thời gian nâng lương, cần nhập thêm: "Số tháng kéo dài nâng bậc lương thường xuyên"	Ngày quyết định	Số quyết định	Người ký QĐ, Cơ quan ra QĐ

XI. THÔNG TIN HỒ SƠ NHÂN THÂN

1. Quan hệ gia đình - Về bản thân, vợ (hoặc chồng) và các con

Mối quan hệ (vợ, chồng, con, con nuôi, vợ kế, chồng kế)	Họ tên, năm sinh, nghề nghiệp, đặc điểm lịch sử (có bị bắt, bị tù, làm việc trong chế độ cũ, nguy quân, nguy quyền không); hiện đang làm gì (ghi rõ chức vụ hoặc chức danh nếu có, tên và địa chỉ cơ quan, đơn vị công tác ở trong hoặc ngoài nước), nơi cư trú

2. Quan hệ gia đình, thân tộc - Ông, Bà (nội, ngoại), Cha, Mẹ, Anh chị em ruột

Mối quan hệ (cha, mẹ, anh, chị, em, cha nuôi, cha dượng, mẹ nuôi, mẹ kế, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, người nuôi dưỡng, bác, cô, chú)	Họ tên, năm sinh, nghề nghiệp, đặc điểm lịch sử (có bị bắt, bị tù, làm việc trong chế độ cũ, nguy quân, nguy quyền không); hiện đang làm gì (ghi rõ chức vụ hoặc chức danh nếu có, tên và địa chỉ cơ quan, đơn vị công tác ở trong hoặc ngoài nước), nơi cư trú

3. Quan hệ gia đình, thân tộc - Ông, Bà (nội, ngoại), Cha, Mẹ, Anh chị em ruột của bên vợ (hoặc bên chồng)

<p>Mối quan hệ (cha vợ/cha chồng, mẹ vợ/mẹ chồng, anh vợ/anh chồng, chị vợ/chị chồng, em vợ/em chồng, ông nội vợ/ông nội chồng, bà nội vợ/bà nội chồng, ông ngoại vợ/ông ngoại chồng, bà ngoại vợ/bà ngoại chồng, người nuôi dưỡng vợ (hoặc chồng), cậu, dì)</p>	<p>Họ tên, năm sinh, nghề nghiệp, đặc điểm lịch sử (có bị bắt, bị tù, làm việc trong chế độ cũ, nguy quân, nguy quyền không); hiện đang làm gì (ghi rõ chức vụ hoặc chức danh nếu có, tên và địa chỉ cơ quan, đơn vị công tác ở trong hoặc ngoài nước), nơi cư trú</p>

XII. QUÁ TRÌNH ĐẢNG, ĐOÀN, ĐOÀN THỂ KHÁC

1. Quá trình công tác Đảng

Từ ngày	Đến ngày	Tổ chức đảng	Chức vụ đảng (nếu có)

2. Thông tin Đoàn TNCSHCM

Ngày vào Đoàn TNCSHCM:.....

Nơi vào Đoàn:.....

3. Quá trình công tác Đoàn TNCSHCM

Từ ngày	Đến ngày	Tổ chức đoàn	Chức vụ đoàn (nếu có)

4. Quá trình tham gia đoàn thể khác (Công đoàn, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ,...)

Từ ngày	Đến ngày	Tổ chức đoàn thể	Chức vụ (nếu có)

XIII. THÔNG TIN KHÁC

1. Họ và tên thường dùng:
2. Số CMND: Ngày cấp:
Nơi cấp (tỉnh/thành):
3. Số thẻ căn cước công dân: Ngày cấp thẻ căn cước:
Nơi cấp thẻ căn cước:
4. Tôn giáo: (theo tôn giáo nào thì ghi tên tôn giáo đó: Công giáo, Phật giáo, Hồi giáo, Cao đài, Hòa hảo,... Nếu không theo tôn giáo nào, thì không được bỏ trống mà ghi là "Không")
5. Ngôn ngữ dân tộc thiểu số:
6. Hộ khẩu thường trú: (ghi rõ: phường/xã; quận/huyện; tỉnh/thành phố)
.....
7. Điện thoại cố định:.....
8. Đại biểu QH, HĐND:
 ĐB Quốc hội ĐB HĐND tỉnh ĐB HĐND cấp huyện ĐB HĐND cấp xã

9. Thành phần xuất thân:

10. Ngày tham gia lực lượng vũ trang: Ngày giải ngũ:

Cấp bậc cao nhất: Chức vụ cao nhất:

11. Danh hiệu phong tặng: Năm phong tặng:

- | | |
|--|--|
| <input type="checkbox"/> Anh hùng lao động | <input type="checkbox"/> Anh hùng lực lượng vũ trang |
| <input type="checkbox"/> Nhà giáo nhân dân | <input type="checkbox"/> Nhà giáo ưu tú |
| <input type="checkbox"/> Nghệ sĩ nhân dân | <input type="checkbox"/> Nghệ sĩ ưu tú |
| <input type="checkbox"/> Thầy thuốc nhân dân | <input type="checkbox"/> Thầy thuốc ưu tú |
| <input type="checkbox"/> Nghệ nhân nhân dân | <input type="checkbox"/> Nghệ nhân ưu tú |
| <input type="checkbox"/> Giải thưởng Hồ Chí Minh | <input type="checkbox"/> Giải thưởng Nhà nước |
| <input type="checkbox"/> Bà mẹ Việt Nam anh hùng | |

12. Đối tượng hưởng chính sách:

- | | |
|--|--|
| <input type="checkbox"/> Anh hùng LLVT | <input type="checkbox"/> Anh hùng lao động |
| <input type="checkbox"/> Gia đình liệt sĩ | <input type="checkbox"/> Bà mẹ Việt nam Anh hùng |
| <input type="checkbox"/> Thương binh | <input type="checkbox"/> Con thương binh |
| <input type="checkbox"/> Thương binh hạng 1 có thương tật đặc biệt | <input type="checkbox"/> Người hưởng chính sách như thương binh |
| <input type="checkbox"/> Bệnh binh | <input type="checkbox"/> Bệnh binh hạng 1 có thương tật đặc biệt |
| <input type="checkbox"/> Người tham gia kháng chiến | <input type="checkbox"/> Người có công với cách mạng |
| <input type="checkbox"/> Quân nhân bị bệnh nghề nghiệp | <input type="checkbox"/> Quân nhân bị tai nạn lao động |
| <input type="checkbox"/> Lão thành cách mạng | <input type="checkbox"/> Bị địch bắt tù đầy |

13. Chiều cao (cm):..... 14. Cân nặng (kg):.....

15. Sức khỏe:

- | | |
|-----------------------------------|---|
| <input type="checkbox"/> Tốt | <input type="checkbox"/> Bình thường |
| <input type="checkbox"/> Yếu | <input type="checkbox"/> Có bệnh mãn tính |
| <input type="checkbox"/> Loại I | <input type="checkbox"/> Loại II |
| <input type="checkbox"/> Loại III | <input type="checkbox"/> Loại IV |

16. Nhóm máu:

- | | |
|----------------------------|-----------------------------|
| <input type="checkbox"/> O | <input type="checkbox"/> AB |
| <input type="checkbox"/> A | <input type="checkbox"/> B |

17. Thương binh loại:

- | | | |
|--|--|------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Thương binh 1/4 | <input type="checkbox"/> Thương binh 2/4 | |
| <input type="checkbox"/> Thương binh 3/4 | <input type="checkbox"/> Thương binh 4/4 | <input type="checkbox"/> Bệnh binh |

18. Hình thức thương tật:.....

19. Số số thương tật:

20. Khuyết tật:

- | |
|---|
| <input type="checkbox"/> Hông tay phải |
| <input type="checkbox"/> Hông tay trái |
| <input type="checkbox"/> Hông chân phải |

21. Năng lực sở trường:

- | |
|--|
| <input type="checkbox"/> Lãnh đạo, chỉ huy |
| <input type="checkbox"/> Xây dựng chế độ, chính sách |
| <input type="checkbox"/> Nghiên cứu, phân tích, tổng hợp |

- | | |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> Hông chân trái | <input type="checkbox"/> Tổ chức triển khai thực hiện |
| <input type="checkbox"/> Hông cả hai chân | <input type="checkbox"/> Tuyên truyền, vận động |
| <input type="checkbox"/> Hông mắt phải | <input type="checkbox"/> Thanh tra, kiểm tra |
| <input type="checkbox"/> Hông mắt trái | <input type="checkbox"/> Phát minh, sáng kiến trong chuyên môn nghiệp vụ |

22. Năng lực sở trường:

23. Thông tin người liên hệ khi cần cần thiết: (người thân của CBCCVC)

Họ và tên:..... Số điện thoại:

Địa chỉ:.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày tháng năm 201.....

NGƯỜI KHAI
(Ký và ghi rõ họ tên)